



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : ____ Yes, ____ No

EXIT VISA: ____ Yes ____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Thanh Long
Last Middle First

Current Address 11 Cu Xa Kien Thiet, Hzy Phu, Hiep Phu, Thudue, Hem

Date of Birth 1932 Place of Birth Vinh Long

Previous Occupation (before 1975) _____
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From _____ To _____

3. SPONSOR'S NAME: Christina Khanh Thuy Thi Nguyen
Name

San Jose, CA
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

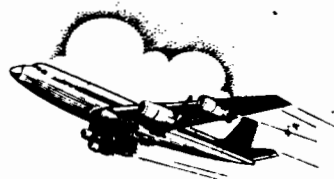
6. ADDITIONAL INFORMATION :

FROM: PHAM THI HUË, 41 CÙ XÁ KIẾN THIẾT
ẤP HÙNG PHÚ, XÁ HIỆP PHÚ
HUYỆN THU ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH
VIỆT NAM.



H/S Bô thư
Pham - Thi - Huê

NOV 1 1988



TO: MRS KHUC MINH THƠ
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

PAR AVION VIA AIR MAIL

USA



NGUYEN THANH LONG
IV. N° 066916

PHAM THI HUE
IV. N° 066916

Phạm Thị Huệ
11, cũ xã Kiên Thiết
Ấp Hưng Phú, Xã Hiệp Phú
Huyện Thủ Đức, T.P. Hồ Chí Minh

Ngày 02 tháng 11, năm 1988.

Kính gửi: Bà Khúc Minh Thọ

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205.0635.

Thưa Bà,

Chúng tôi rất vui mừng khi nhận được thư Bà đề ngày 13 tháng 8, năm 1988, xin thành thật cảm ơn Bà về sự quan tâm của Bà đối với gia đình chúng tôi.

Qua sự chỉ dẫn của Bà, chúng tôi xin gửi đến Bà các giấy cần bổ túc vào hồ sơ "ODP" của chúng tôi, gồm có:

- 2 giấy khai sinh, 1 giấy hôn thú

- 1 giấy hộ khẩu, 2 giấy chứng minh nhân dân

Riêng về giấy bác trợ của thân nhân, chúng tôi đã viết thư cho con chúng tôi (người đứng tên trên ODP) là

CHRISTINA KHANH THUY THỊ NGUYỄN

Địa chỉ:

SAN JOSE CA

PHONE:

để lo làm giấy bảo trợ cho chúng tôi. Chúng tôi cũng đã dặn cháu, gọi giấy đó đến Bà, ngay khi làm xong.

Vì việc liên lạc thư từ qua lại có phần chậm chạp, chúng tôi rất mong Bà thông cảm cho tình cảnh của chúng tôi, giúp đỡ chúng tôi qua việc liên lạc với cháu ở bên đó, và hướng dẫn cháu làm các giấy tờ cần thiết do thư từ đôi khi.

Một lần nữa, chúng tôi xin Bà nhân nơi đây gửi lời biết ơn chân thành của chúng tôi và chúng tôi cũng xin cầu chúc Bà luôn luôn thành công.

Kính thư,

Huê
Phạm Thị Huệ.

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINHLONG

SAO LỤC BỘ SANH NĂM 1932

LÀNG

Phu Yên Vinhlong

SỐ HIỆU

29

Tên, họ đứa con nít	Nguyễn Thanh Long
Nam, nữ	nam
Sanh ngày nào	Le 2 Janvier 1932
Sanh tại chỗ nào	Làng Phú Yên
Tên, họ cha	Nguyễn Thanh Diên
Cha làm nghề gì	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu	Làng Phú Yên
Tên họ mẹ	Võ Thị Nấm
Mẹ làm nghề gì	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu	Làng Phú Yên
Vợ chánh hay là vợ thứ	Vợ chánh

Chúng tôi **Nguyễn - Vạng - Thọ**
 Chánh-án Toà Hoà-giải rộng quyền
 Vinhlong chứng cho hợp-pháp chữ
 ký tên của ông **Huỳnh-Vinh-Hiến**
 Chánh Lục-sự Toà-án này.

Trích lục

Vinhlong, ngày 10 tháng 5 năm 1951

CHÁNH LỤC-SỰ

Vinhlong, ngày 11 tháng 5 năm 1951

Trích lục số: 3170

Thầu số tiền: 1.000

Chánh Lục-sự,

SỞ TƯ-PHÁP NAM-VIỆT

(Service Judiciaire du Sud-Vietnam)

PHÒNG LỤC-SỰ' TÒA SỞ THẨM CÁNTHO

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN SAO-LỤC BỘ KHAI-SANH LĂNG THỎI BÌNH (CANTHO)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-VIỆT)
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1936 SỐ HIỆU 45
(Année) (Acte N° _____)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	PHẠM THỊ HUE
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	filles
Sanh ngày nào (Date de naissance)	20 April 1936, 18 h, (29 tháng ba Annam)
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Thới bình
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	PHẠM VĂN
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Secrétaire des P.T.T.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thới bình
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị Sửu
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Ménagère
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thới bình
Vợ chánh hay là vợ thứ (Son rang de femme mariée)	femme 1er rang

Imp. Ng-van-Huan, 35 Col. Grignan - Saigon

Chúng tôi, HUYNH SANH PHUONG
(Nous)

Chánh-án Tòa SỞ THẨM CÁNTHO
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(certifions l'authenticité de la signature de M.)

Ông PHẠM VĂN BÙ

Chánh Lục-sự Tòa-án này.

(Greffier en chef dudit tribunal).

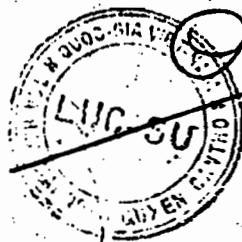
CANTHO, ngày 21 - 4 - 1955

CHÁNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT)

Sau y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

CANTHO, ngày 21 - 4 - 1955

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền: 1230

(Cout)

Biên lai số

(Quittance n°)

ĐÔ - THÀNH SAIGON

Bản số 139

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THỦ BỰC NHƯT

NĂM Một ngàn chín trăm năm mươi lăm (1955)

Nhờ in Jh Ng-v-Viêm, Saigon, 52-gc DT

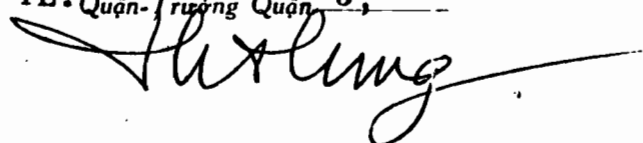
Tên, họ người chồng	Nguyễn Thành Long ✓
Nghề-nghiệp	Thiếu úy Pháo thủ
Ngày sanh	Ngày hai tháng giêng năm một ngàn chín trăm ba mươi hai,
Nơi sanh	Phước Yên, Vĩnh Long (Nam-Việt)
Nơi cư-ngụ	Saigon, 689C hẻm Cao Thắng
Tên, họ cha chồng	Nguyễn thanh Biên (sống)
Tên, họ mẹ chồng	Võ thị Năm (sống)
Tên, họ người vợ	Phạm thị Huệ ✓
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Ngày sanh	Ngày hai mươi tháng tư năm một ngàn chín trăm ba mươi sáu,
Nơi sanh	Thới Bình, Cần Thơ (Nam-Việt)
Nơi cư-ngụ	Saigon, 689C hẻm Cao Thắng
Tên, họ cha vợ	Phạm Văn (sống)
Tên, họ mẹ vợ	Nguyễn thị Sửu (sống)

Lập tại Saigon, ngày 23 tháng 7 năm 1955

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày 5 tháng 12 năm 19 64

TL. Quận-Trưởng Quận 3,



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 95.0685 CN

Họ và tên chủ hộ : PHAM THỊ HUE

Ấp, ngõ, số nhà : 11 Kien Thiet

Thị trấn, đường phố :

Xã, phường : Tang Nhut Chau

Huyện : Chau Duc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

XÃ HIỆP PHÚ

Ấp Hoiang Chau
Đường 702 3

Ngày 10 tháng 03 năm 12

Trưởng công an Chau Nho

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3 :

CHỖ Ở TÁ NGUYỄN THAI HONG

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 02221424

Họ tên NGUYỄN VĂN THẠNH LONG

Sinh ngày 2-1-1932

Nguyên quán Cửu Long

Nơi thường trú 11 Páng Khon Phm

Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh



Họ tên: Kinh		Tôn giáo: Phật	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sọc tròn 0,1 cm cách 2,5 cm trên sau, đầu mặt phải.	
NGON TRỎ TRÁI NGON TRỎ PHẢI		 Tháng 2 năm 87 TRƯỞNG TY CÔNG AN <i>Đỗ Việt Chanh</i>	

ODP. IV N° 066916

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN.

Số: **02435716**

Họ tên **PHẠM THỊ HUY**



Sinh ngày **20-4-1936**

Nguyên quán **Hải Giang.**

Nơi thường trú **1. Kiến Thiết,
Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật	
	ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH
	Nốt ruồi cách 4cm sau cánh mũi trái.
	21 tháng 7 năm 1979. TRƯỞNG TY CÔNG AN PHÒNG CSI  <i>Nguyễn Văn Căn</i>

ODP. IV N° 066916



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: 066916

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THANH LONG
Last Middle First

Current Address: 11 Su xa Kien Thiet - Thu Duc - Ho Chi Minh City

Date of Birth: 01-02-1932 Place of Birth: Vinh Long

Previous Occupation (before 1975) L. Colonel & ARVN
(Rank & Position) US Trainee

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-13-1975 To 19-21-1984
Years: 09 Months: 03 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI THUY KHANH
Name
1316 San Jose Dr # 0 San Jose CA 95122
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAN. THI HUE		wife

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Thủ Đức ngày 1 tháng 5 1988,

Hình gửi Bà Khúc minh Thọ
Arlington PO Box 5435
VA 22205 U.S.A.

Hình thưa Bà,

Bây giờ may mắn được từ giới thiệu, tôi là Phạm Thị Huệ, ngụ tại số 11 cũ xã Kiến Thiết Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chính thật mong Bà vui lòng miễn chấp cho tôi, khi tôi phải viết bức thư này cho Bà vì nếu không phải hết sức cần thiết cho gia đình tôi, tôi sẽ không dám lời dung lòng tốt của Bà cũng như làm mất thời giờ quý báu của Bà.

Sau nhiều đêm suy nghĩ, đắn đo, tôi quyết định gửi bức thư này đến Bà vì tôi thiết nghĩ chỉ có Bà là người cùng cảnh ngộ, dễ thông cảm, sẽ sẵn lòng giúp đỡ cho gia đình tôi và cũng chỉ có Bà là người tôi tin tưởng có thừa khả năng để giúp tôi đạt được ý nguyện trong lúc tôi lo âu và mất hết hy vọng.

Nguyên gia đình tôi là thành phần của chế độ cũ, chồng tôi tên Nguyễn Thanh Long, là Trung tá của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, phục vụ liên tục từ tháng 12 năm 1952 cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 (Ngày chế độ Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ).

Trong thời gian phục vụ dưới chế độ cũ, chồng tôi đã 2 lần được đưa đi huấn luyện tại Trường Pháo Binh Hoa Kỳ, FORT SILL OKLAHOMA: Lần thứ 1, từ tháng 1 đến tháng 5, năm 1960 để dự Khóa Khí tượng Pháo Binh và lần thứ 2, từ tháng 1 đến tháng 6, năm 1966 để dự Khóa Pháo Binh cao cấp AFAOCC #2/66. Ngoài ra chồng tôi đã có hợp tác chặt chẽ với chính phủ Hoa Kỳ qua việc thực thi Chương trình Bình định xây dựng nông thôn, trong thời gian chồng tôi đảm nhận chức vụ Quận Trưởng, quận Phước Ninh, tỉnh Tây Ninh từ năm 1969 đến năm 1972. Ông Thiệu tá Betty, Sĩ quan quân đội Hoa Kỳ lúc đó là cố vấn trưởng, toàn cố vấn Hoa Kỳ tại Quận Phước Ninh là người đã biết rõ về sự hợp tác nói trên, có thể xác nhận điều đó; tuy nhiên sau biến cố 30 tháng 4, 1975, chồng tôi không tiếp xúc được với

Thiếu tá Betty, vì không biết được địa chỉ của ông ấy.

Khi Chính phủ VNCH sụp đổ, chồng tôi bị đưa đi cải tạo tại các trại cải tạo miền Nam và miền Bắc. Mãi đến tháng 3 năm 1984, chồng tôi mới được thả về; thời gian cải tạo của chồng tôi là 9 năm 3 tháng.

Vào năm 1983, trong lúc chồng tôi còn đang cải tạo, con gái tôi là Nguyễn Thị Thúy Khanh, có quy chế thường trú nhân đã lập hồ sơ báo lãnh cho vợ chồng tôi, để được nhập vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có thật từ ODP. Cơ quan ODP - Bangkok đã cấp số IV là 066916. Sau đó, khi chồng tôi được thả về, chồng tôi có bổ túc mẫu "Questionnaire for ODP applicants" và các giấy ra trại, giấy chứng chỉ tài ngu, lệnh chuyển chuyển, hình ảnh... để xin cơ quan ODP - Bangkok xem xét cho chồng tôi được hưởng quy chế tị nạn và cấp cho một thẻ giới thiệu. Tài liệu chứng minh chồng tôi có du học tại Hoa Kỳ như Passport, bằng cấp tốt nghiệp Khoa học (diploma) đã bị thiếu hụt trong biên có 30 tháng H.; duy chỉ còn lại có các tấm ảnh cũ của chồng tôi chụp tại trường trong lúc du học. Các bức ảnh này đã được gửi đến cơ quan ODP - Bangkok.

Coi xin trình bày thêm các con tôi đều được vào Hoa Kỳ theo diện tị nạn, vào năm 1979 và cho đến nay chúng nó vẫn còn đang đi học, tiền bạc rất eo hẹp. Vì có các con ở Hoa Kỳ, nên tôi rất lo ngại cơ quan ODP - Bangkok, sẽ dễ cho chúng tôi đi theo diện di dân, trong lúc các con tôi không có khả năng về tài chánh để bảo lãnh cho chúng tôi.

Gia đình tôi hiện đang gặp nhiều khó khăn, chồng tôi dù đã được về với gia đình nhưng sức khỏe yếu kém, con tôi cũng hay đau ốm luôn, vợ chồng tôi sống chật vật để hỗ trợ ngay đoạn tu với các con.

Chúng tôi tha thiết cầu xin Bà giúp đỡ cho gia đình tôi được tị nạn, qua sự can thiệp của Bà với các cơ quan thẩm quyền, để chúng tôi sớm có được thẻ giới thiệu "LOI", hầu chúng tôi có thể bổ túc vào hồ sơ xin xuất cảnh của chúng tôi.

Tôi nghĩ rằng chồng tôi là sĩ quan chế độ cũ, có trên 9 năm cải tạo, đã từng du học ở Hoa Kỳ cũng như có hợp tác với chính phủ Hoa Kỳ trong chương trình Bình định xây dựng nông thôn, rất xứng đáng được hưởng quy chế tị nạn trong chương trình ra đi có thật từ ODP.

Tôi xin chân thành cảm tạ trước sự sốt sắng giúp đỡ của Bà đối với gia đình chúng tôi.

Xin đính kèm giấy chứng chỉ tài ngu, giấy ra trại,
hình ảnh của chồng tôi.

Hình chào Bà, lưu
Phạm Thị Huệ.

ODP IV # 066916

A. BASIC IDENTIFICATION DATA .

- 1-Name NGUYỄN THÀNH LONG sex Male
- 2-Other name none
- 3-Date and place of birth : January 2nd 1932 at Phú Yên Village, Vĩnh Long province.
- 4-Residence address : 11, Cu Xá Kiến Thiết THỦ ĐỨC HỒ CHÍ MINH City
- 5-Mailing address : 11, Cu Xá Kiến Thiết, THỦ ĐỨC HỒ CHÍ MINH City
- 6-Current occupation : None

B-RELATIVES TO ACCOMPANY ME

 : NAME : DATE OF BIRTH : PLACE OF BIRTH : SEX : MS : RELATIONSHIP :
 : PHẠM-THỊ-HUỆ: April 20th 1936: Thới Bình Cần Thơ: F : M : My wife

C-RELATIVES OUTSIDE VIETNAM.

1-Closest relative in the US.

NAME	: RELATIONSHIP	: ADDRESS	: DATE OF RELATIVE ARRIVAL IN THE US.
NGUYỄN-THỊ-THÚY KHANH	: Daughter	: 1316 SANTEE DR # 0 SANJOSE CA 95122 USA	: July 27th 1979

2-Closest relative in other Foreign Countries :

None

D-COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD).

	NAME	ADDRESS
1-Father (L)	NGUYỄN THÀNH BIÊN	34/17 Bà Huyện Thanh Quan Street Can Tho City
2-Mother (L)	VÕ THỊ NAM	--
3-Spouse (L)	PHẠM THỊ HUỆ	11. Cu Xá Kiến Thiết Thủ Đức Hồ Chí Minh City
4-Former spouse :	None	
5-Children (L)	NGUYỄN THỊ THÚY KHANH	SANJOSE CA
	NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG	-idem- USA.
	NGUYỄN THỊ THÚY NGOC	-idem-
6-Brother (L)	NGUYỄN THÀNH VÂN	MILPITAS CA USA
Sisters (L)	NGUYỄN THỊ LÊ THÚY	34/17 Bà Huyện Thanh Quan Street Can Tho City.
	NGUYỄN THỊ LÊ HOA	-idem-
	NGUYỄN THỊ LÊ QUÂN	-idem-

E-EMPLOYMENT BY U.S GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S ORGANIZATIONS.-

- 1-Name of person worked closely with US official : NGUYỄN THÀNH LONG
- 2-Position Title : Phước Ninh district chief.
- 3-Agency/Company/Office : US advisor team of Phước Ninh district (Tây Ninh province).
- 4-Lenght of collaboration : From 1969 to 1972
- 5-Grade and name of senior advisor :
 From 1969 to 1970 : Major Betty (Major Arty)
 From 1970 to 1971 : Major Brown (Major Inf).
- 6-Work performed :
 During the period from 1969 to 1972, I had been assigned as a district chief of Phước Ninh district. Being a major then LT colonel of the Army of the Republic of VN, I had collaborated with US advisors for the purpose of performing the rural pacification program. One of the U.S advisors whom I knew the best was MAJOR BETTY, senior advisor from 1969 to 1970. It was Major Betty, my advisor who had the good knowledge about my background.

Through the rural pacification program, I was rewarded two US medals
 -commendation medal in 1969
 -gallantry cross medal with bronze star in 1970.

F-SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE.-

1. Name of person serving : NGUYỄN THÀNH LONG
2. Date : From December 1952 to April 30 1975
3. Last rank : Lieutenant colonel. Military service No 52/120195
4. Military unit : 3rd Army Corps Artillery command. (Bộ Chỉ huy Pháo Binh Quân Đoàn 3).
5. Name of C.O: Colonel Lê Văn Trang
6. Reason for leaving : April 30 1975 event.
7. Names of American advisors : Major Betty, Major Brown.
8. US training courses in Vietnam : None
9. US awards or certificates :
 - commendation medal, received in 1969
 - Gallantry cross medal with bronze star, received in 1970.
 - The 2 awards listed above have been lost. Major Betty, my senior advisor from 1969 to 1970, can verify that, I was rewarded 2 U.S medals mentioned.

G.-TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU AND YOUR SPOUSE.

1. Name of Trainee : NGUYỄN THÀNH LONG
2. School and school address : Artillery and Missile school
Fort Sill, OKLAHOMA USA.
3. Date and description of courses :
 - From January 1960 to May 1960 : Artillery meteorology course.
 - From January 1966 to June 1966 : Advanced Artillery course AFAOCC2-66
4. Who paid for training : US government.
5. Diploma signed by Major General Critz, commanding officer.
On account of the above certificate & diploma have been lost, therefore I beg to enclose herewith 2 photographs of mine taken at the above training center for verification my attendance at the US training.

H-REEDUCATION OF YOU AND YOUR SPOUSE.

- 1-Name of person in reeducation : NGUYỄN THÀNH LONG
- 2-Total time in reeducation : 9 years 3 months
- 3-Still in reeducation : No.

I.-ANY ADDITIONAL REMARKS.

- I affirm that all the information on this questionnaire is true and understand that any false statement could prevent me from going to the United States.

DATE

November 19th 1985

Signature of applicant

Long

J-ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE.

Nguyễn Thành Long

1. Copies of birth certificate and my wife's birth certificate (2)
- 2- Copy of marriage certificate (1)
- 3- Copy of pre-1975 government ID card of my wife (1)
- 4- Copy of post 1975 government ID card of my wife (1)
- 5- Copy of my military service certificate (1)
- 6- Copy of ~~service~~ order showing my last rank, my last military unit and the name of C.O. (1).
- 7- Photographs of mine taken at the Artillery and Missile School verifying that I was trained in the US (2).
- 8- Job photograph of mine (1)
- 9- Copy of reeducation ^{+ release} certificate (1).

ODP - IV No 066916

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

CHỨNG CHỈ TẠI NGŨ

BỘ QUỐC - PHÒNG

BO TONG THAM MUU/QLVNC

BO CHI HUY PHAO BINH

Điện thoại : 51.071

Số: / TTH/PB/92I

CHỨNG NHẬN

Họ và tên : NGUYEN THANH LONG

Cấp-bậc : Trung-Tá

Số - quân : 52/120.195

Ngày và nơi sinh : 02.01.1932 Vĩnh Long

Tên cha : NGUYEN THANH BIEN

Tên me: VC THI NAM

Ngày nhập-ngũ : C9.12.1952

Thời gian gián-đoạn công-vụ : Không

Hiện đang tại ngũ và phục-vụ tại: BCH/Pháo-Binh/QLVNCH

Lý - do :

Để bố tức hồ sơ nhập học cho con

KBC 4892, ngày 02 - 06 - 1973

TL.Trung-Tướng NGUYỄN-XUÂN-THỊNH,
Chỉ-Huy-Trưởng Pháo-Binh/QLVNCH.
Đại-Tá NGUYỄN-VAN-THỊ,
Tham-Mai-Trưởng

Tham Chi-Trưởng

Hồ sơ

MAU QB-750
30-04-65

9.70.11545.0001

Unit-charge : 1.705

Ch. 10 - 100

0 041 / 174 / 2 / 21 / 14

[illegible]

4. 1. 1941

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100. 101. 102. 103. 104. 105. 106. 107. 108. 109. 110. 111. 112. 113. 114. 115. 116. 117. 118. 119. 120. 121. 122. 123. 124. 125. 126. 127. 128. 129. 130. 131. 132. 133. 134. 135. 136. 137. 138. 139. 140. 141. 142. 143. 144. 145. 146. 147. 148. 149. 150. 151. 152. 153. 154. 155. 156. 157. 158. 159. 160. 161. 162. 163. 164. 165. 166. 167. 168. 169. 170. 171. 172. 173. 174. 175. 176. 177. 178. 179. 180. 181. 182. 183. 184. 185. 186. 187. 188. 189. 190. 191. 192. 193. 194. 195. 196. 197. 198. 199. 200. 201. 202. 203. 204. 205. 206. 207. 208. 209. 210. 211. 212. 213. 214. 215. 216. 217. 218. 219. 220. 221. 222. 223. 224. 225. 226. 227. 228. 229. 230. 231. 232. 233. 234. 235. 236. 237. 238. 239. 240. 241. 242. 243. 244. 245. 246. 247. 248. 249. 250. 251. 252. 253. 254. 255. 256. 257. 258. 259. 260. 261. 262. 263. 264. 265. 266. 267. 268. 269. 270. 271. 272. 273. 274. 275. 276. 277. 278. 279. 280. 281. 282. 283. 284. 285. 286. 287. 288. 289. 290. 291. 292. 293. 294. 295. 296. 297. 298. 299. 300. 301. 302. 303. 304. 305. 306. 307. 308. 309. 310. 311. 312. 313. 314. 315. 316. 317. 318. 319. 320. 321. 322. 323. 324. 325. 326. 327. 328. 329. 330. 331. 332. 333. 334. 335. 336. 337. 338. 339. 340. 341. 342. 343. 344. 345. 346. 347. 348. 349. 350. 351. 352. 353. 354. 355. 356. 357. 358. 359. 360. 361. 362. 363. 364. 365. 366. 367. 368. 369. 370. 371. 372. 373. 374. 375. 376. 377. 378. 379. 380. 381. 382. 383. 384. 385. 386. 387. 388. 389. 390. 391. 392. 393. 394. 395. 396. 397. 398. 399. 400. 401. 402. 403. 404. 405. 406. 407. 408. 409. 410. 411. 412. 413. 414. 415. 416. 417. 418. 419. 420. 421. 422. 423. 424. 425. 426. 427. 428. 429. 430. 431. 432. 433. 434. 435. 436. 437. 438. 439. 440. 441. 442. 443. 444. 445. 446. 447. 448. 449. 450. 451. 452. 453. 454. 455. 456. 457. 458. 459. 460. 461. 462. 463. 464. 465. 466. 467. 468. 469. 470. 471. 472. 473. 474. 475. 476. 477. 478. 479. 480. 481. 482. 483. 484. 485. 486. 487. 488. 489. 490. 491. 492. 493. 494. 495. 496. 497. 498. 499. 500. 501. 502. 503. 504. 505. 506. 507. 508. 509. 510. 511. 512. 513. 514. 515. 516. 517. 518. 519. 520. 521. 522. 523. 524. 525. 526. 527. 528. 529. 530. 531. 532. 533. 534. 535. 536. 537. 538. 539. 540. 541. 542. 543. 544. 545. 546. 547. 548. 549. 550. 551. 552. 553. 554. 555. 556. 557. 558. 559. 560. 561. 562. 563. 564. 565. 566. 567. 568. 569. 570. 571. 572. 573. 574. 575. 576. 577. 578. 579. 580. 581. 582. 583. 584. 585. 586. 587. 588. 589. 590. 591. 592. 593. 594. 595. 596. 597. 598. 599. 600. 601. 602. 603. 604. 605. 606. 607. 608. 609. 610. 611. 612. 613. 614. 615. 616. 617. 618. 619. 620. 621. 622. 623. 624. 625. 626. 627. 628. 629. 630. 631. 632. 633. 634. 635. 636. 637. 638. 639. 640. 641. 642. 643. 644. 645. 646. 647. 648. 649. 650. 651. 652. 653. 654. 655. 656. 657. 658. 659. 660. 661. 662. 663. 664. 665. 666. 667. 668. 669. 670. 671. 672. 673. 674. 675. 676. 677. 678. 679. 680. 681. 682. 683. 684. 685. 686. 687. 688. 689. 690. 691. 692. 693. 694. 695. 696. 697. 698. 699. 700. 701. 702. 703. 704. 705. 706. 707. 708. 709. 710. 711. 712. 713. 714. 715. 716. 717. 718. 719. 720. 721. 722. 723. 724. 725. 726. 727. 728. 729. 730. 731. 732. 733. 734. 735. 736. 737. 738. 739. 740. 741. 742. 743. 744. 745. 746. 747. 748. 749. 750. 751. 752. 753. 754. 755. 756. 757. 758. 759. 760. 761. 762. 763. 764. 765. 766. 767. 768. 769. 770. 771. 772. 773. 774. 775. 776. 777. 778. 779. 780. 781. 782. 783. 784. 785. 786. 787. 788. 789. 790. 791. 792. 793. 794. 795. 796. 797. 798. 799. 800. 801. 802. 803. 804. 805. 806. 807. 808. 809. 810. 811. 812. 813. 814. 815. 816. 817. 818. 819. 820. 821. 822. 823. 824. 825. 826. 827. 828. 829. 830. 831. 832. 833. 834. 835. 836. 837. 838. 839. 840. 84

• 22 •



உரிமை உறுதி

0-0-4-4-D

1. Chlorophyll

: 2464

一

3

628

- KIẾN - NGHỊ - ĐỀ XUẤT: (tên họ/tên/ họ/thảo luận/a) Công vụ kể từ 12.01.73

52/120.142 - 0.000

• **Chlorophyll** is the green pigment in plants that captures light energy for photosynthesis.

: 1140-5121/

1. UNION

1b) BỐ XANG.

;

١٠٠

:(Continued)

10) Giữ chức vụ Trưởng ban

۱-۲-۳-۴-۵-۶-۷-۸-۹-۱۰-۱۱-۱۲

: HC + NW/ECH/PB/CLUNCH.

ĐHC. 4.892, ngày 07 tháng 01 năm 1973

Trung-Tướng ~~ĐUYỄN XUÂN THỊNH~~,
Chỉ-huy trưởng Pháo-Binh/QUYỀN.

File Number :

- Phòng Hiệp-Vận địa/Ph/ĐHHC.

the night

SAC LIAISON 001

- CÔ TÂN/1.1.1 - 11H.00.

- Cục An Ninh Quân-Đội.

- Tổng nha Tài-chánh và T.T.

"sẽ kính trọng"

- Đại-Việt Nam-Chinh + Nam-Vũ số 0.

2. The Living

- - số số SI-quan đống-uy.

- số 80.

- 224 -

ANKY

PHỐ BÀN

Đ. NGUYỄN-VĂN-TH
Trưởng

[illegible]

513746

26 3216

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Sinh năm 19 32

Cs: tên gọi khác

Nơi sinh _____ Vĩnh Long

Nội dung kế hoạch khẩu thường trú trước khi bị bắt 11 cư xá liên thiết thủ. đ/c, r/p HC
CHÍ MINH.

Cán tội Trung tá sỹ quan phối hợp pháo binh.

Đi hát ngày 13/06/75

An phat

Theo quyết định, án văn số

ngày

thing

၇၃၀၀

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm

Nay về cư trú tại 11 cư xá kiên thiết thủ đức, 178 HỒ CHÍ MINH.

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : vụ trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu chịu sự giáo dục của cách mạng .

Lao động : tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao

Nội quy : chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn .

Học tập : tham gia đều có tiên bô .

(quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Núi Trủ quân

Trước ngày ... tháng ... năm 19...

Lưu tay nhóm trẻ chơi

của Nguyễn thành Long

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Danh bìn số

Lar vai

Ngày 21 tháng 9 năm 1984

P. Giám thi

Đại úy: Trình Đức Tỷ

Các nhân
 đ. có đ. tr. đ. đ. đ.
 Ban AT X. tập v. đ. đ.
 ngày 28.09.1984
 tr. đ. đ.

[Signature]
 Nguyễn Văn Quang

SE / UB X. TNP.
 CH. đ. đ.
 đ. đ. đ. đ. đ. đ.
 đ. đ. đ. đ. đ. đ.

So: đ. đ. đ. đ. đ. đ.
 CHUNG NH. đ. đ. đ. đ. đ. đ.
 đ. đ. đ. đ. đ. đ. đ. đ. đ. đ.
 đ. đ. đ. đ. đ. đ. đ. đ. đ. đ.

[Signature]
 đ. đ. đ. đ. đ. đ.

[Signature]
 đ. đ. đ. đ. đ. đ.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV # 066.916

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

VEWL.#

I-171 : Yes, N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

.. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN THANH LONG
Last Middle First

Current Address 11 cũ xá Kiến Thiết THỦ ĐỨC, Hồ chí Minh city, Việt-Nam.

Date of Birth January 2nd 1932 Place of Birth Vĩnh Long (S. Việt-Nam)

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant Colonel, Fire coordination officer
(Rank & Position)

1. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 1975 To September 1984.

2. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address & Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--|---------------------|
| <u>CHRISTINA KHANH NGUYỄN</u> <u>SAN JOSE CA</u> | <u>Daughter</u> |
| <u>PHƯƠNG NGUYỄN</u> <u>SAN JOSE CA</u> | <u>Son</u> |
| <u>NGOC NGUYỄN</u> <u>SAN JOSE CA</u> | <u>Daughter</u> |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: January 23rd 1989



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV # 066 916

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

VEWL.# _____

I-171 : Yes, No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN THÀNH LONG
Last Middle First

Current Address 11 cư xá Kiên Thiệt THỦ ĐỨC, Hồ Chí Minh city, Việt Nam

Date of Birth January 2nd 1932 Place of Birth Vĩnh Long (S. Việt Nam)

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant Colonel, Fire coordination officer
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 1975 To September 1984

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address & Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--|---------------------|
| <u>CHRISTINA KHANH NGUYỄN</u> <u>SANJOSE CA</u>
Tel | <u>Daughter</u> |
| <u>PHƯỜNG NGUYỄN</u> <u>SANJOSE CA</u> | <u>Son</u> |
| <u>NGOC NGUYỄN</u> <u>SANJOSE CA</u> | <u>Daughter</u> |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: January 23rd 1989

FROM: PHAM THI HUE

11 CUY XA KIEN THIET

THU DUC, HO CHI MINH CITY.

VIETNAM.



PAR AVION
MAY BAY

FEB 1



TO: MRS KHUC MINH THO

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

U.S.A.

PAR AVION VIA AIR MAIL

PHAM THI HUE
11 cũ xã Kiến Thiết THỦ ĐỨC
Ấp Hưng Phú, xã Hiệp Phú
Huyện Thủ Đức, T. P. Hồ Chí Minh
—*—

Ngày 23 tháng 01, năm 1989.

Kính gửi: Bà Khúc Minh Echo
P.O. Box 5435 ARLINGTON VA 22205-0635

Thưa Bà,

Qua bức thư của Bà đề ngày 13 tháng 8, năm 1988, chúng tôi đã gửi đến Bà các giấy tờ cần bổ túc vào hồ sơ xin nhập cảnh theo chương trình ra đi có trật tự 'ODP' của chúng tôi, gồm 2 giấy Khai Sinh, 1 giấy hôn thú, 1 giấy hộ khẩu và 2 chứng minh nhân dân.

Hôm nay, chúng tôi xin gửi tiếp đến Bà, các mẫu đơn đã điền xong (4 bản) để xin được gia nhập vào quý hội.

Để cho hồ sơ xin nhập cảnh của chúng tôi sớm được hoàn tất, chúng tôi tha thiết cần xin Bà hướng dẫn cho con chúng tôi (người đứng tên bảo lãnh) là CHRISTINA KHANH NGUYỄN, ngụ tại số _____, SAN JOSE CA là một các giấy tờ còn thiếu.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Bà đã tích cực giúp đỡ gia đình chúng tôi,

Kính thư,

Hue

Phạm thi Hue

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN THANH LONG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : January 2nd 1932
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu). : Male (Nam) : X Female (Nu) :
MARITAL STATUS Single (Doc than) : Married (Co lap gia dinh) : X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 11 cư xá Kiến Thiết Thủ Đức, Hồ chí Minh city, Việt Nam
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong)
If Yes (Neu co) : From (Tu) : June 1975 To (Den) : September 1984
PLACE OF RE-EDUCATION: Long Giao, Tân Hiệp, Sơn La, Nam Hà and Hàm Tân camp.
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep) : Former officer of VN Army.
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : Twice, in 1960 and 1966 at the Artillery and Missile center
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Fort Sill OKLAHOMA (Artillery meteorology course, advanced artillery course)
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : Lieutenant Colonel
District chief
From: November 1968 To September 1972 Date (nam) :
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : X
IV Number (So ho so) : 066.916
No (Khong) :
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 1.
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi t:
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 11 cư xá Kiến Thiết Thủ Đức
Hồ chí Minh city, Việt Nam
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)
CHRISTINA KHANH NGUYỄN
SAN JOSE CA USA
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : X No (Khong) :
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : Daughter
NAME & SIGNATURE: Nguyen Thanh Long lma
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 11 cư xá Kiến Thiết
Thủ Đức, Hồ chí Minh city, Việt Nam
DATE: January 23rd 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN THANH LONG
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|--|-----------------------------|---------------------|
| PHAM THI HUE | APRIL 20 th 1936 | WIFE |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN THÀNH LÔNG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : January 2nd 1932
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu). : Male (Nam): X Female (Nu):
MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 11 cu oá Kiên Thiết Thủ Đức, Hồ chí Minh city, Việt Nam
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)
If Yes (Neu co): From (Tu): June 1975 To (Den): September 1984
PLACE OF RE-EDUCATION: Long Giao, Tân Hiệp, Sơn La, Nam Hà and Hàm Tân camp
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep): Former officer of VN army.
Twice in 1960 and 1966 at the Artillery and Missile Center
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Fort Sill, OKLAHOMA (Artillery Meteorology course, advanced Arty course)
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Lieutenant Colonel
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): District chief
From: November 1968 To September 1972 Date (nam):
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): 066946
No (Khong):
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 1
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi t:
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 11 cu oá Kiên Thiết Thủ Đức
Hồ chí Minh city, Việt Nam
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)
CHRISTINA KHANH NGUYỄN
SAN JOSE CA USA
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong):
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Daughter
NAME & SIGNATURE: Nguyen Thanh Long lma
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 11 cu oá Kiên Thiết
Thủ Đức, Hồ chí Minh city Việt Nam
DATE: January 23rd 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN THANH LONG
(Listed on page 1)

[illegible]

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

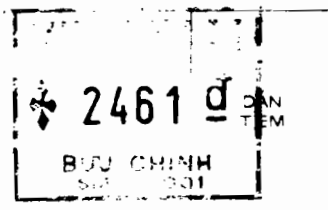
ADDITIONAL INFORMATION :

FROM: PHAM THI HUE, 11 CUA XA KIEN THIET THU DUC

HỒ CHÍ MINH CITY

PAR AVION

PAR AVION



Người Nhận: Mrs KHUC MINH THO
ARLINGTON PO BOX 5435

VA 22205 USA



1983
NĂM QUỐC TẾ
THÔNG TIN LIÊN LẠC

MAY 23 1981

NGUYEN THANH LONG ODP-IV No 066916

